

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN
Số: 1263.2021.HPDQ-BKICT
V/v: HỆ THỐNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT HÀNG HÓA QUA CÂN
TẠI CẢNG THIÊN LỘC THÀNH

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu luật từ ngày 01/01/2016;
- Căn cứ Luật Sở Hữu Trí Tuệ số 50/2005/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu luật từ ngày 01/07/2006;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi gồm:

Bên Mua	: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HOÀ PHÁT DUNG QUẤT	
Địa chỉ phát hành hóa đơn	: Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	
Điện thoại	:	Fax :
Mã số thuế	: 4300793861	
Đại diện	:	Chức vụ:
Giấy ủy quyền số	: cấp ngày	

Sau đây gọi là bên A hoặc Bên Mua (hoặc gọi tắt là HPDQ)

Bên Bán	: CÔNG TY CP CNTT- TRUYỀN THÔNG BÁCH KHOA	
Địa chỉ	: Số 14, Ngõ 27, Đại Cồ Việt, P. Cầu Diễn, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	
Điện thoại	: 024.3821 0532	Fax : 024.3821.0532
Mã số thuế	: 0102951780	
Số tài khoản	: 045 1001 567 281, Ngân hàng VCB – CN Thành Công	
Đại diện	: Bà Bùi Thị Mai Hương	Chức vụ: Giám đốc

Sau đây gọi là bên B hoặc Bên Bán (hoặc gọi tắt là BKICT)

Sau khi cùng bàn bạc, thương thảo, hai bên cùng thống nhất áp dụng các ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI và các ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo hợp đồng này. Các phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời của hợp đồng này.

Tại công ty Cổ Phần Thép Hòa Phát Dung Quất, hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau :

ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:

1.1. Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý Tư vấn, thiết kế, cung cấp **HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ, GIÁM SÁT HÀNG HÓA QUA CÂN TẠI CẢNG THIÊN LỘC THÀNH** cho Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, phạm vi cung cấp bao gồm:

STT	Nội dung	Dvị	SL	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
I	THIẾT BỊ:				277,320,000
	A. THIẾT BỊ MẠNG VÀ SERVER:				205,140,000
1	Máy chủ Dell PowerEdge R640 8x2.5 Rack 1U - Processor: 2 x Intel Xeon Silver 4210R 2.4G, 10C/20T, 9.6GT/s UPI, 13.75M Cache, Turbo, HT (100W) DDR4-2400 - Memory: 2 x Dell 16GB RDIMM, 3200MT/s, Dual Rank, CK - Network Controller: Broadcom 5720 QP 1Gb Network - Daughter Card Raid Controller: PERC H730P RAID Controller, 2Gb NV Cache, Minicard - Hard Drive: 4x Dell 1.2TB 10K RPM SAS 12Gbps 512n 2.5" Hot- plug Hard Drive - Optical Drive: DVD+/-RW, SATA, Internal - Power Supply: Dual, Hot-plug, Redundant Power Supply (1+1), 750W	Bộ	1	114,610,000	114,610,000
2	UPS Sabtak: true obline, loại đứng 6kVA	Bộ	1	42,800,000	42,800,000
3	Switch cisco WS-2960X-48TS-L	Cái	1	28,510,000	28,510,000
4	Tủ rack thi loại tủ 42 U, 1 khay trượt, 2 khay cố định	Cái	1	12,800,000	12,800,000
5	Module quang Cisco GLC-LH- SMD, 1Gb 10km Cisco	Bộ	4	985,000	3,940,000
6	Dây dúc Cat 6E loại 3m	Sợi	10	70,000	700,000
7	Dây nhảy quang: LC-LC 3m	Sợi	12	85,000	1,020,000
8	Dây nhảy quang LC-SC 3m	Sợi	8	95,000	760,000
	B. THIẾT BỊ KIỂM SOÁT:				72,180,000

1	Camera KBVISION KX-2005N2: IP 2MP (Bao gồm vỏ bảo vệ ngoài trời, chân đế)	Bộ	4	5,250,000	21,000,000
2	Tủ điều khiển camera, nguồn	Bộ	1	3,200,000	3,200,000
3	Cảm biến hồng ngoại : Omron E3JK	Cặp	2	1,250,000	2,500,000
4	Hộp cảm biến hồng ngoại: inox, mặt kính, chống ám	Bộ	4	820,000	3,280,000
5	Tủ điều khiển trung tâm kết nối cảm biến, đèn xanh đỏ, nguồn.	Bộ	1	14,200,000	14,200,000
6	Cột đèn giao thông xanh đỏ	Cột	2	6,500,000	13,000,000
7	Dây cáp phụ kiện lắp đặt: - Dây điện camera - Cáp tín hiệu sensor - Cáp nguồn sensor - Dây tín hiệu nguồn, điện đèn giao thông	Gói	1	15,000,000	15,000,000
II	PHẦN MỀM:				259,900,000
	A. PHẦN MỀM WINDOWS SERVER				34,900,000
1	Windows Server Std 2019, 5 CAL	Gói	1	34,900,000	34,900,000
	B. PHẦN MỀM QUẢN LÝ				225,000,000
1	Phần mềm quản lý hàng hóa qua trạm cân ô tô, kết nối dữ liệu với phần mềm SAP: + Kết nối, giải mã khôi lượng từ đầu cân, + Quản lý thông tin phiếu cân: Khách hàng, hàng hóa, khôi lượng vào ra, nhân viên cân, lệnh nhập, xuất. + Kết nối thông tin lệnh nhập xuất hàng từ SAP qua cân. + Truyền thông tin phiếu cân lên hệ thống SAP, đồng nhất với trạm cân. + Báo cáo thống kê, đồng nhất số liệu theo dõi hàng hóa qua cả cân đường tàu và cân ô tô Dung Quất, Long An.	Gói	1	135,000,000	135,000,000
2	Phần mềm kiểm soát xe qua cân: + Kết nối với cảm biến quang. + Phần mềm kết nối với Camera cho phép theo dõi hình ảnh, chụp hình khi cân đưa lên hệ thống server. + Kết nối từ điều khiển, điều khiển tín hiệu đèn giao thông. + Đồng bộ dữ liệu Long An- HPDQ.	Gói	1	90,000,000	90,000,000

III	DỊCH VỤ:				80,000,000
1	Khảo sát, thiết kế		Gói	1	80,000,000
2	Vận chuyển, lưu trú				80,000,000
TỔNG HỢP					
A	PHẦN MỀM				259,900,000
B	THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ				357,320,000
C	THUẾ VAT = 10% * (B)				35,732,000
D	TỔNG GIÁ TRỊ THANH TOÁN				652,952,000
	<i>Tổng giá trị thanh toán bằng chữ: Sáu trăm năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn (vnd).</i>				

1.2. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ triển khai kèm theo HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ, GIÁM SÁT HÀNG HÓA QUA CÂN TẠI CẢNG THIÊN LỘC THÀNH để xây dựng và đưa giải pháp phần mềm vào vận hành thành công, đáp ứng các yêu cầu chất lượng và đặc thù của Bên A.

ĐIỀU 2. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN THAM GIA:

Trách nhiệm Bên A: Ngoài các nghĩa vụ quy định tại các điều khác của hợp đồng này, Bên A có các nghĩa vụ sau:

- 2.1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu liên quan đến yêu cầu thực hiện phần mềm trong hợp đồng này cho Bên B. Các tài liệu này là cơ sở để Bên B thực hiện phần mềm và dịch vụ cho Bên A.
- 2.2. Chịu trách nhiệm cập nhật chứng từ, dữ liệu vào phần mềm đã cài đặt, sử dụng và vận hành phần mềm theo đúng hướng dẫn của Bên B.
- 2.3. Chịu trách nhiệm đảm bảo về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ sử dụng phần mềm. Cử cán bộ có thẩm quyền giám sát, quản lý, phối hợp và trao đổi với Bên B thực hiện công việc trong phạm vi hợp đồng này.
- 2.4. Đảm bảo chất lượng phần cứng, phần mềm hệ thống (Mạng máy tính, Windows server...) để chạy phần mềm. Duy trì tối thiểu 01 địa chỉ email để Bên B gửi file cập nhật phần mềm.
- 2.5. Tiến hành tiếp nhận sản phẩm bàn giao của BK-ICT. Trong trường hợp Bên A chậm trễ trong việc kiểm tra hoặc tiếp nhận bàn giao dẫn đến việc làm chậm tiến độ dự án hoặc phát sinh các chi phí thì hai bên sẽ thảo luận và thảo thuận phương án giải quyết trên tinh thần hợp tác lâu dài.

2.6. Chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý người sử dụng (USER) cũng như cơ sở dữ liệu (database) mà bên B đã bàn giao. Bảo quản không để VIRUS phá hỏng phần mềm hoặc xâm nhập dữ liệu.

2.7. Không sửa đổi phần mềm dưới mọi hình thức. Bên A phải tuân thủ luật bảo hộ quyền tác giả đối với phần mềm được cài đặt.

2.8. Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn theo điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

Trách nhiệm Bên B: Ngoài các nghĩa vụ quy định tại các điều khác của hợp đồng này, Bên B có các nghĩa vụ sau:

2.9. Cung cấp phần mềm

- Bên B tiến hành thiết kế, lập trình, triển khai cài đặt Phần mềm cho Bên A theo đúng nội dung Điều 1 Hợp đồng.
- Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và kiểm tra lỗi phần mềm cho Bên A.
- Cung cấp giấy Chứng nhận bản quyền sử dụng Phần mềm cho Bên A (Sau khi Bên B đã chỉnh sửa hoàn thiện các tính năng phần mềm theo yêu cầu của Bên A và Bên A hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình).

2.10. Bố trí nhân sự đủ năng lực, trình độ thực hiện các công việc theo đúng các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện công việc tại Bên A, nhân viên của Bên B phải chấp hành các quy định về nội quy nơi làm việc, an toàn lao động và vệ sinh môi trường của Bên A.

2.11. Bên B chịu trách nhiệm đối với các tổn thất về tài sản, an toàn cho các nhân sự của Bên B. Bên B sẽ bồi thường những tổn thất cho Bên A nếu thiệt hại này do nhân sự của Bên B trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra.

2.12. Thông báo kịp thời cho Bên A những trở ngại (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng để cùng bàn bạc và giải quyết.

2.13. Chịu trách nhiệm cài đặt, đào tạo, hỗ trợ và bảo hành phần mềm theo đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

2.14. Cam kết không để lộ bất cứ thông tin, tài liệu nào của Bên A liên quan nội dung hợp đồng này cho bất kỳ Bên thứ ba khi không được sự cho phép của Bên A.

2.15. Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.

ĐIỀU 3. BẢN QUYỀN, QUYỀN CÀI ĐẶT VÀ QUYỀN SỬ DỤNG PHẦN MỀM:

- 3.1. Hai bên cam kết bảo mật tất cả các thông tin do Bên còn lại cung cấp hoặc có được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này. Nếu vi phạm, Bên vi phạm sẽ chịu phạt Hợp đồng và bồi thường thiệt hại cho Bên bị vi phạm theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng.
- 3.2. Bên B có trách nhiệm cung cấp Chứng nhận bản quyền sử dụng vĩnh viễn Phần mềm cho Bên A và chịu trách nhiệm pháp lý giữ cho Bên A không bị thiệt hại hoặc trách nhiệm bất kỳ nào liên quan đến bản quyền sử dụng Phần mềm với Bên thứ ba bất kỳ. Nếu vi phạm Điều này Bên B phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với Bên A như quy định tại Điều 6 Hợp đồng.
- 3.3. Bên A được toàn quyền sử dụng **HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ, GIÁM SÁT HÀNG HÓA QUA CÂN TẠI CẢNG THIÊN LỘC THÀNH**, không hạn chế về số lượng thiết bị, không hạn chế về thiết bị đầu cuối và số lượng người dùng.
- 3.4. Bên B cam kết phần mềm và việc sở hữu, sử dụng phần mềm cung cấp theo hợp đồng này không vi phạm bất kỳ quy định pháp luật nào, bao gồm cả pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ (nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, bí mật kinh doanh, giải pháp hữu ích, v.v.) của Việt Nam và các quy định trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia ký kết hoặc công nhận. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến phần mềm mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.
- 3.5. Bên A không được sao chép hoặc cho phép người khác sao chép, mua bán, chuyên nhượng, in ấn hay phổ biến phần mềm này cho bất cứ một Bên thứ ba nào khác mà chưa được sự đồng ý của Bên B. Bên A cũng không được phép sửa đổi hoặc sử dụng một phần hay toàn bộ phần mềm này tạo thành một hệ thống phần mềm mới khác.
- 3.6. Tất cả các quyền về sở hữu công nghệ, thương hiệu, ứng dụng phần mềm do Bên B thiết kế và lập trình được xem là sở hữu của Bên B.

- 3.7. Các dữ liệu, chứng từ và báo cáo phát sinh trong suốt quá trình Bên A cung cấp cho Bên B là sở hữu của Bên A. Bên B chỉ được phép sử dụng cho mục đích hỗ trợ vận hành, kiểm tra, bảo hành và bảo trì Phần mềm mà không được phép sử dụng ở bất cứ mục đích nào khác mà không có sự cho phép bằng văn bản của Bên A

ĐIỀU 4. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI, CÀI ĐẶT, ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

- 4.1. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng hai Bên phải bố trí nhân sự để triển khai phần mềm. Sau khi bố trí nhân sự, hai bên sẽ lập “Kế hoạch triển khai phần mềm” (kế hoạch

này phải có chữ ký xác nhận của hai bên). Bên B phải bàn giao vật vật tư kết nối trong vòng 2 tuần kể từ ngày ký kết hợp đồng.

4.2. Căn cứ theo “Kế hoạch triển khai phần mềm”, Bên B sẽ tiến hành lắp đặt thiết bị giám sát, cài đặt phần mềm theo đúng nội dung tại Điều 1. Ngay sau khi Bên B hoàn thành việc cài đặt phần mềm vào hệ thống máy tính của Bên A (có sự kiểm tra của Bên A), hai Bên phải ký biên bản “Cài đặt phần mềm”.

4.3. Bên B có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo cho các cán bộ bên A sử dụng phần mềm cụ thể như sau:

4.3.1. Tiến hành đào tạo, hướng dẫn các cán bộ, người dùng cuối Bên A sử dụng phần mềm thành thực, thao tác nhanh gọn đáp ứng được công việc trong quá trình vận hành.

4.3.2. Ngay sau khi Bên B hoàn thành việc đào tạo Phần mềm, hai Bên tiến hành ký văn bản “Đào tạo, hướng dẫn sử dụng và quản trị hệ thống phần mềm”.

4.3.3. Nếu trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, do lỗi cố ý hoặc vô ý của một Bên mà các điểm mốc thời gian của kế hoạch, tiến độ thực hiện Hợp Đồng cần được điều chỉnh (nếu có) thì Bên đó phải có đề nghị chính thức với Bên kia, Bên nhận được đề nghị sẽ tiến hành phân tích ảnh hưởng của thay đổi đối với toàn bộ tiến trình của Hợp Đồng. Sau đó hai Bên thống nhất về các vấn đề bị thay đổi, các chi phí phát sinh do lỗi của bên nào thì Bên đó chịu trách nhiệm thanh toán.

ĐIỀU 5. HỖ TRỢ VÀ NGHIỆM THU:

5.1. Điều kiện nghiệm thu: Phần mềm được nghiệm thu khi đạt các điều kiện sau:

- Phần mềm được kiểm tra bởi người sử dụng đáp ứng các yêu cầu về phần mềm được mô tả tại Hồ sơ quy trình nghiệp vụ mà hai bên đã duyệt trong giai đoạn khảo sát và lập hồ sơ quy trình nghiệp vụ.
- Phần mềm đã được cài đặt đầy đủ các tính năng yêu cầu của Bên A, dữ liệu đầu kỳ được chuyển vào hệ thống mới, hệ thống đã được đưa vào sử dụng ổn định và không còn lỗi nghiêm trọng ảnh hưởng đến vận hành của Bên A.
- Việc đào tạo hướng dẫn sử dụng vận hành cho nhân sự Bên A được hoàn tất.

5.2. Thời gian thực hiện nghiệm thu: Hai bên tiến hành nghiệm thu hệ thống trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A nhận được Thông báo đề nghị nghiệm thu của Bên B, sau khi kết thúc tối thiểu 30 (ba mươi) ngày vận hành chính thức và đầy đủ các hồ sơ tài liệu tại khoản 5.3.

5.3. Thực hiện nghiệm thu: Việc nghiệm thu hệ thống được tiến hành bằng cuộc họp nghiệm thu và được thành lập văn bản nghiệm thu do đại diện hai bên ký kết nếu Phần mềm đạt yêu cầu của Bên A. Chứng từ căn cứ để soát xét quyết định nghiệm thu là:

- Báo cáo đánh giá về tính chính xác dữ liệu, quy trình mẫu biểu phù hợp và tính ổn định của hệ thống sau khi đưa vào sử dụng.
- Danh sách lỗi/sự cố/yêu cầu thay đổi phát sinh được ghi nhận và khắc phục có xác nhận của quản lý dự án hai bên.

5.4. Nếu có bất kỳ lỗi/sự cố tồn đọng nào của phần mềm chưa giải quyết hoặc phát sinh trong buổi họp nghiệm thu, Bên B có trách nhiệm xem xét, đánh giá, chấp nhận chỉnh sửa hoặc giải trình từ chối. Danh sách lỗi/sự cố này, với biện pháp và thời hạn khắc phục được thống nhất bằng văn bản bởi hai bên: bắt buộc phải hoàn tất trước khi xác nhận nghiệm thu, hoặc hoàn tất như là dịch vụ bảo hành, hoặc từ chối do ngoài phạm vi yêu cầu/không hợp lý/phá vỡ kiến trúc của phần mềm. Khi danh sách lỗi/sự cố bắt buộc được giải quyết hoàn tất, Bên A và Bên B ký biên bản nghiệm thu mà không phải bị một điều kiện ràng buộc nào thêm.

5.5. Trong trường hợp Bên B không giải quyết hoàn tất các lỗi/sự cố tiên quyết như đã thống nhất tại khoản 5.4, mặc nhiên việc nghiệm thu bị ngưng trệ cho đến khi Bên B giải quyết hoàn tất các lỗi/sự cố tiên quyết trước nghiệm thu.

5.6. Sau khi Bên B hoàn thành chương trình đào tạo đối với Bên A, Bên B tiếp tục hỗ trợ trực tiếp cho Bên A về ứng dụng các nghiệp vụ khi sử dụng phần mềm trong thời gian 06 (sáu) tháng (bắt đầu tính từ ngày hai Bên ký biên bản “Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm”).

5.7. Bên A có trách nhiệm nhập dữ liệu vào phần mềm theo tư vấn của Bên B và phối hợp với Bên B kiểm tra các tính năng của phần mềm.

ĐIỀU 6. BẢO HÀNH, BẢO TRÌ PHẦN MỀM:

6.1. Bảo hành Hệ thống và phần mềm:

6.1.1. Thời hạn bảo hành: Bên B chịu trách nhiệm bảo hành miễn phí thiết bị và phần mềm đã cài đặt theo hợp đồng này trong vòng 12 tháng kể từ ngày hai Bên ký biên bản “Nghiệm thu tổng thể”.

6.1.2. Nội dung và phương thức hỗ trợ, bảo hành:

- Công việc bảo hành/bảo trì bao gồm:

- Sửa đổi phần mềm phù hợp với việc thay đổi về biểu mẫu, chế độ nhà nước tương ứng với các phần việc được Bên B cung cấp (ghi trong hợp đồng này).

- Hỗ trợ sử dụng phần mềm (hỗ trợ về nghiệp vụ, cách sử dụng phần mềm và cách xử lý lỗi nghiệp vụ khi phát sinh).
- Bảo trì những lỗi phát sinh của phần mềm trong thời gian bảo hành.
- Khi phát hiện bất kỳ sự cố nào xảy ra đối với phần mềm đã cài đặt, Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện khắc phục sự cố trong vòng 6 đến giờ 12 giờ. Thời gian xử lý các sự cố này không bao gồm ngày nghỉ lễ, chủ nhật và các ngày nghỉ theo qui định của pháp luật Việt Nam.
- Trường hợp Bên A làm hư hỏng phần mềm do các nguyên nhân khách quan như: virus tấn công, sự cố về điện, hỏng ổ đĩa cứng, ... sau khi Bên A khắc phục hệ thống hư hỏng này thì Bên B sẽ có trách nhiệm cài đặt lại phần mềm tại trụ sở của Bên A.

6.2. Bảo trì phần mềm:

6.2.1. Sau khi kết thúc thời gian bảo hành, Bên B cung cấp dịch vụ bảo trì hàng năm với mức phí bằng 8% trên giá bản quyền phần mềm theo khuôn khổ Hợp đồng này.

6.2.2. Sau khi kết thúc thời gian bảo hành, nếu Bên A không ký hợp đồng bảo trì hàng năm thì dịch vụ bảo trì được thỏa thuận tùy từng trường hợp cụ thể.

ĐIỀU 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

7.1. Giá trị hợp đồng: 652,952,000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn) Giá trên đã bao gồm thuế VAT.

Bên A thanh toán cho bên B giá trị hợp đồng làm 1 lần.

Thanh toán theo từng đợt nghiệm thu khối lượng công việc. Bên A thanh toán chuyển khoản 100% giá trị hóa đơn từng lần nghiệm thu công việc của hợp đồng đã khấu trừ số tiền bên A đã tạm ứng trước trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bên B hoàn thành công việc và Bên A nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- Đề nghị thanh toán.
- Thư bảo lãnh bảo hành.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc có xác nhận của hai bên.
- Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng có xác nhận của hai bên.
- Hóa đơn GTGT hợp lệ kèm theo bản tra cứu thông tin hóa đơn trên trang web

<http://tracuuhoodon.gdt.gov.vn/tc1hd.html>.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

8.1. Trường hợp Bên B thực hiện công việc không đúng hạn theo quy định tại “*Điều 1 Hợp đồng*”, theo “**kế hoạch hai Bên ký xác nhận trong quá trình triển khai**” và việc chậm trễ này được xác định do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B sẽ bị phạt 1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày quá hạn. Tuy nhiên, tổng giá trị tiền phạt không vượt quá 8% giá trị hợp đồng này.

8.2. Trường hợp đến hạn hoàn thành công việc được liệt kê trong “*Kế hoạch triển khai Phần mềm*” nhưng bên B không thực hiện đúng và đủ các nội dung theo quy định tại “*Điều 1 Hợp đồng*” (*việc không thực hiện đúng được xác định do lỗi của bên B*) thì Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở. Nếu đã có văn bản nhắc nhở quá hai lần hoặc quá thời hạn hai tháng kể từ ngày đến hạn thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trường hợp này, bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ khoản tiền tạm ứng đã nhận của Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận công văn đơn phương chấm dứt hợp đồng từ phía Bên A.

8.3. Trường hợp thanh toán chậm do lỗi Bên A, Bên A sẽ chịu phạt 0.5% của tổng giá trị số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày quá hạn. Tuy nhiên, việc quá hạn này chỉ kéo dài tối đa trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với việc thanh toán này.

ĐIỀU 9. BẢO LÃNH:

9.1. Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng là bảo lãnh không hùy ngang và vô điều kiện do ngân hàng Bên Bán phát hành có giá trị bằng 10% giá trị Hợp đồng và có thời hạn trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

9.2. Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh vô điều kiện và không hùy ngang do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, có giá trị tương đương với 5% tổng giá trị Hợp đồng và có thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

10.1. Không bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của bên kia. Bất kỳ sửa đổi bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được cả hai bên đồng ý bằng văn bản.

10.2. Ngày hiệu lực của Hợp đồng được tính từ ngày hai bên tiến hành ký kết hợp đồng.

10.3. Không Bên nào được phép chuyển nhượng hợp đồng này, cũng như bất cứ quyền và nghĩa vụ nào theo hợp đồng cho bất cứ Bên thứ ba nào nếu không được Bên kia đồng ý bằng văn bản. Mọi sự chuyển nhượng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một trong hai Bên sẽ không có giá trị.

10.4. Hợp đồng kết thúc bình thường sau khi cả hai bên hoàn tất các nghĩa vụ của mình, sau khi kết thúc bảo hành và ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng.

10.5. Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản trên của Hợp đồng. Những vấn đề phát sinh trong khi thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên bàn bạc thỏa thuận và bổ sung bằng văn bản. Trường hợp có nội dung không tự giải quyết được, thì hai Bên thống nhất sẽ khiếu nại đến Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Quảng Ngãi, là tổ chức có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc hai bên phải thi hành. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí do bên có lỗi chịu.

10.6. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau. Cả hai bên đã hiểu tất cả các từ ngữ và ngữ nghĩa câu hợp đồng này.

10.7. Các điều khoản khác không quy định trong phần **ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI** sẽ tuân theo phần **ĐIỀU KHOẢN CHUNG**. Trong trường hợp có xung đột giữa bất cứ điều nào giữa **ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI** và **ĐIỀU KHOẢN CHUNG** của hợp đồng này, phần **ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI** sẽ được ưu tiên sử dụng.

Ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Mai Văn Hà

Ngày 01 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Mai Hương